

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2018/DS-PT
Ngày: 13-6-2018
V/v tranh chấp quyền tưới tiêu
qua bất động sản liền kề

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 4 năm 2018 và 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Quyền tưới tiêu qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Năm T
- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hòa B -
Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2015).

3.2 Ông Trần Tiến D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3.3 Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn H - Chủ tịch.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Võ Văn Đ.

(Ông Đ, bà C, ông D, ông T, Luật sư B có mặt;

Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Võ Văn Đ và là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Giáp với các thửa đất do ông và bà T là vợ ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (các thửa 1357; 1464; 1465; 1467; 1468; 1471; 1466), tờ bản đồ số 07 và các thửa đất số: 1457; 1458; 1459; 1460; 1461; 1462; 1463 của bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D là con kênh Long Trâu có từ lâu đời. Con kênh có bề ngang khoảng 2,5m, dài hơn 100m, sâu 1m nằm giữa đất của ông Đ và bà C, ông D. Đây là con kênh chung của cả hai hộ gia đình.

Vào năm 2013, bà Nguyễn Thị C dùng Kobe tự ý san lấp con kênh làm cho ông không có nước sản xuất ảnh hưởng đến năng suất 6 vụ từ năm 2013 đến nay. Ông đã phản ánh việc bà C tự ý san lấp kênh lên chính quyền địa phương để nhờ giải quyết.

Hành vi san lấp kênh của bà C là vi phạm pháp luật và xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Bà C san lấp kênh làm ông thiệt hại mỗi năm là 24.000.000 đồng. Vì vậy ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông D, bà C phải khôi phục lại hiện trạng con kênh Long Trâu như ban đầu vì đó là con kênh chung để ông tưới tiêu nước vào đất sản xuất. Buộc ông D, bà C bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông số tiền là 24.000.000 đồng.

**Bị đơn là bà Nguyễn Thị C và là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Tiến D trình bày:* Bà C và ông D không đồng ý trình bày của ông Đ. Bà C xác định giữa diện tích đất của bà và ông Đ

không có con kênh như ông Đ trình bày mà chỉ là một con đường có bờ đất và trũng, từ thời ba bà là ông Nguyễn Văn X đã trồng cây trên đường đất này và hiện vẫn còn gốc cây. Sau khi ông X mất giao đất lại cho bà, bà sử dụng từ đó đến nay.

Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi khôi phục lại hiện trạng kênh và đòi bồi thường thiệt hại của ông Đ.

Bà rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ về việc buộc ông Đ phải bồi thường 28.150.000 đồng (tiền thiệt hại do ông Đ ngăn cản việc san lấp).

**Ông Võ Văn H là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ do ông Võ Văn H trình bày: Ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị C có chung bà nội là bà Nguyễn Thị M. Khi ông Võ Văn S chết, bà M lấy chồng khác là ông Nguyễn Văn T về sống và canh tác trên phần diện tích đất tranh chấp, khi ông T chết để phần đất này cho ông Nguyễn Văn X là ba của bà Nguyễn Thị C. Năm 2006, ông X chết để lại diện tích đất nêu trên cho bà C sử dụng. Trước đây đường long này nhỏ không đi lại được nên ông X cho nới rộng ra và có trồng cây bạch đàn để làm ranh giáp với đường đi trước nhà ông Đ. Phần đất tranh chấp có diện tích 350m² do ông X quản lý từ năm 1975 đến năm 2006 ông X chết để lại cho bà của sử dụng. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, bà C tại các thửa đất số 1458; 1461; 1462 tờ bản đồ số 7 không tiến hành đo đạc kiểm tra thực tế sử dụng mà chỉ trích lục bản đồ từ thành lập năm 1997.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ buộc bà C, ông D phải khôi phục lại đường nước như ban đầu và bồi thường thiệt hại cho ông Đ số tiền 24.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ cũng như diễn biến tại phiên tòa, ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ và hợp pháp vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ vì diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà C. Phần diện tích đất tranh chấp là đường nước có từ lúc ông X quản lý nay là bà C quản lý không phải là lỗi tước tiêu duy nhất của ông Võ Văn Đ.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 253, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Võ Văn Đ về việc buộc ông Đ bồi thường thiệt hại số tiền 28.150.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D về “tranh chấp về đường nước tưới tiêu qua bất động sản liền kề, bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất” đối với diện tích đất 350 m² thuộc một phần thửa số 1461; 1462; 1463 và 1458 tờ bản đồ số 7, xã Mỹ Thạnh Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D bồi thường số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) thiệt hại do năng suất lúa giảm.

Về tiền lệ phí, chi phí đo vẽ, thẩm định và định giá tài sản: Ông Võ Văn Đ, bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền là 3.404.000 đồng (ba triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng). Ông Đ, bà T đã tạm nộp và chi xong.

Về án phí:

Ông Võ Văn Đ phải chịu 1.462.500 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng 24.000.000 đồng + 5.250.000 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Võ Văn Đ thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên ông Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đ không phải nộp tiền án phí. Hoàn lại cho ông Đ 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007550 ngày 18/10/2016 và 0007554 ngày 20/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hoàn lại cho bà C 704.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007859 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 06/10/2017, nguyên đơn là ông Võ Văn Đ kháng cáo không đồng ý đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có chiều sâu 01m, diện tích 350m² đất, thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và yêu cầu bồi thường 24.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Năm T – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến:

Đường nước đang tranh chấp có chiều sâu 01m, diện tích 350m² đất, thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là đường trâu long tồn tại trước năm 2013 và phía bà C đã tự ý san lấp. Theo Mảnh trích đo địa chính số 472-2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ đo vẽ và duyệt ngày 21/7/2017 thì phần đất có diện tích 350m² nói trên là đường nước công cộng.

Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị C không có đo đạc thực tế mà dựa vào bản đồ không ảnh. Do đó, phần đất có diện tích 350m² đang tranh chấp là đường nước công cộng.

Từ đó, ông Nguyễn Năm T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà C và ông D khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có chiều sâu 01m, diện tích 350m² đất nói trên và bồi thường 24.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản do năng suất lúa giảm.

- Luật sư Nguyễn Hòa B – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến:

Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định phần đất là đường trâu long, đường nước công cộng là không đúng.

Tại Công văn số 346/CV-UBND ngày 14/8/2017, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tây xác định phần đất có diện tích 350m² trước đây là đường trâu long nhỏ, ông Nguyễn Văn X là cha của bà C đã mở rộng ra để phục vụ việc canh tác lúa và trồng cây bạch đàn làm ranh.

Đến năm 2006, ông X chết, bà C đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 1457, 1458, 1459, 1460, 1461, 1462, 1463.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên cho bà C không có đo đạc thực tế mà dựa vào bản đồ không ảnh nên có sai sót không cấp phần đất 350m² trên cho bà C.

Ông Đ yêu cầu bà C và ông D bồi 24.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản do năng suất lúa giảm nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh.

Từ đó, Luật sư Nguyễn Hòa B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn Đ thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Về việc ông Võ Văn Đ kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có chiều sâu 01m, diện

tích 350m² đất, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và yêu cầu bồi thường 24.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản do năng suất lúa giảm:

Về nguồn gốc đất các bên thống nhất đất tranh chấp do ông bà để lại và ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị C có chung bà nội là bà Nguyễn Thị M. Khi ông Võ Văn S chết, bà M lấy chồng khác là ông Nguyễn Văn T về sống và canh tác trên phần diện tích đất tranh chấp, khi ông T chết để phần đất này cho ông Nguyễn Văn X là ba của bà Nguyễn Thị C. Năm 2006, ông X chết để lại diện tích đất nêu trên cho bà C sử dụng.

Tại Công văn số 137/CV-UBND ngày 12/3/2018, Ủy ban nhân dân xã xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 350m² là đường trâu long, phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Tại Công văn số 354/UBND-TNMT ngày 30/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 350m² là đường trâu long, nương nước công cộng, phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 1172/UBND-TN&MT ngày 21/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ xác nhận phần đất có diện tích 350m² trước đây là đường trâu long nhỏ, ông Nguyễn Văn X là cha của bà C đã mở rộng ra để phục vụ việc canh tác lúa và trồng cây bạch đàn làm ranh.

Đồng thời, các đương sự đã xác định phần đất tranh chấp bị san lấp không ảnh hưởng đến việc ông Đ canh tác lúa.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Võ Văn Đ được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngày 21/12/2017, ông Võ Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn H.

[2] Về việc ông Võ Văn Đ kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến Dân khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có chiều sâu 01m, diện

tích 350m² đất, thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An và yêu cầu bồi thường 24.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản do năng suất lúa giảm:

Căn cứ Mệnh trích đo địa chính số 472-2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ đo vẽ và duyệt ngày 21/7/2017 thì phần đất tranh chấp có diện tích 350m², thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Các đương sự trình bày thống nhất là phần đất có diện tích 350m² đang tranh chấp nằm trong các thửa đất là do ông bà nội của ông Đ là ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị M để lại. Sau khi ông S chết, bà M lấy chồng khác là ông Nguyễn Văn T sinh ra ông Nguyễn Văn X là cha của bà C. Sau khi kết hôn, bà M và ông T cùng canh tác, khi ông T chết để phần đất này lại cho ông X. Vào năm 2006, ông X chết để lại diện tích đất nêu trên cho bà C sử dụng.

Trước đây, trên phần đất 350m² đang tranh chấp có đường trâu long nhỏ, không đi lại được nên ông X làm nơi rộng chiều ngang đường trâu long này ra thành 03m, sâu 01m và có trồng cây bạch đàn để làm ranh giáp với đường đi trước nhà ông Đ.

Xét tại Công văn số 137/CV-UBND ngày 12/3/2018, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Tây xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 350m² là đường trâu long, phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Tại Công văn số 354/UBND-TNMT ngày 30/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 350m² là đường trâu long, đường mương nước công cộng, phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét căn cứ Mệnh trích đo địa chính số 472-2017 nói trên và qua xem xét, thẩm định tại chỗ trên thực tế thì khoảng ½ đường trâu long có diện tích 350m² nằm phía trước các thửa số 1464, 1465, 1466, ông Đ sử dụng 03 thửa đất này để cất nhà ở, không có sử dụng đường trâu long này để canh tác lúa. Còn các thửa đất số 1357, 1467 mà ông Đ đang canh tác không bị vây bọc trong các bất động sản liền kề, cụ thể thửa đất số 1357 của ông Đ có vị trí tiếp giáp với đầu mương nước thoát nước ra mương nước công cộng tại địa phương.

Tại phiên tòa, các bên đương sự cũng thống nhất diện tích đất tranh chấp là lối tưới tiêu nước mà ông Đ trình bày vẫn còn hiện hữu nhưng vì mương nước đã có từ lâu không tôn tạo, nạo vét nên cạn dần và cũng không phải đường nước tưới tiêu chính của ông Đ nên yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu bà C, ông D bồi thường thiệt hại về tài sản và khôi phục lại đường tưới tiêu nước cho ông là không có cơ sở chấp nhận là phù hợp theo quy định tại 253 Bộ luật Dân sự.

Do đó, việc ông Đ kháng cáo yêu cầu bà C và ông D khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có chiều sâu 01m, diện tích 350m² đất nói trên và yêu cầu

bồi thường 24.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản do năng suất lúa giảm là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định 350m² đang tranh chấp thuộc một phần thửa số 1458, 1461, 1462, 1463, tờ bản đồ số 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An: Xét tại phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 27/9/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên “... 350m² thuộc một phần thửa số 1461; 1462; 1463 và 1458 tờ bản đồ số 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An...” là không đúng. Bởi lẽ, như nhận định ở đoạn [3], phần đất phần đất có diện tích 350m² là đường trâu long, phần đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai nên không thuộc một phần các thửa số 1461, 1462, 1463 và 1458. Do đó, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần này, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, do ông Võ Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009 và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Do đó, ông Đ và bà T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

[6] Về chi phí tố tụng (gồm chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ): Ở Tòa án cấp sơ thẩm là 3.404.000 đồng, ở Tòa án cấp phúc thẩm là 2.000.000 đồng, tổng cộng là 5.404.000 đồng và phía nguyên đơn là ông Võ Văn Đ đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí này. Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ nên ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí trên theo quy định tại các Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Đ.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2017/DS-ST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 34, 35, 39, 147, 148, 157, 158, 165, 166, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 253, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D khôi phục lại tình trạng ban đầu của đường nước có chiều sâu 01m, diện tích 350m² đất, thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (theo Mạnh trích đo địa chính số 472-2017 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ đo vẽ và duyệt ngày 21/7/2017).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Tiến D bồi thường 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) tiền thiệt hại về tài sản do năng suất lúa giảm.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Võ Văn Đ bồi thường 28.150.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại về tài sản mà bà C đã rút.

4. Về án phí:

Ông Võ Văn Đ được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Văn Đ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0007550 ngày 18/10/2016 và 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0007554 ngày 20/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Hoàn trả cho ông Võ Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0008041 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 704.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0007859 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 5.404.000 đồng (Năm triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) và đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn